TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 130/2024/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 20 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Trần Công T, sinh năm 1980; Địa chỉ: I V, phường H, quận C, TP ..

- Bà Trần Thị Ly N, sinh năm 1984: Địa chỉ: I V, phường H, quận C, TP .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công T và bà Trần Thị Ly N đã thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông T và bà N có 02 con tên Trần Công B, sinh 17/4/2012 và Trần Ngọc U, sinh ngày 26/9/2018. Ly hôn, ông T và bà N thống nhất giao cả 02 con cho mẹ là bà Trần Thị Ly N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho mỗi con (2 con là 6.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2024.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: Ông Trần Công T và bà Trần Thị Ly N mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công T và bà Trần Thị Ly N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 198/2011 quyển 01/2010 ngày 29/7/2011 của UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng)

- Về con chung: có 02 con tên Trần Công B, sinh 17/4/2012 và Trần Ngọc U, sinh ngày 26/9/2018. Ly hôn, ông T và bà N thống nhất giao cả 02 con cho mẹ là bà Trần Thị Ly N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho mỗi con (2 con là 6.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2024.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Công T và bà Trần Thị Ly N mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông T và bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên lai thu số 0001532 ngày 04/6/2024, ông T và bà N đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bàng